

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 326/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09/9/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Tám

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Thị Giàu

Bà Nguyễn Thị Hạnh

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà tham gia phiên tòa:*  
Bà Nguyễn Thuý Duyên- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1034/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 270/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 355/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: 2A/85, tổ 85, KP.12, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Huy H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: 2A/85, tổ 85, KP.12, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T có đơn xin vắng mặt, anh H vắng mặt không lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 3 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:** Chị và Anh Nguyễn Huy H kết hôn vào năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 06/4/2010 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu

thuần do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, ngoài ra năm 2013, anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Sau khi phát hiện, anh H xin lỗi và hứa sẽ thay đổi. Chị đã đồng ý tha thứ và cho anh cơ hội, tuy nhiên tình cảm vợ chồng không còn được như trước vì thiếu sự tin tưởng lẫn nhau. Sau đó, anh H không những không thay đổi mà vẫn tiếp tục có quan hệ với những người phụ nữ khác bên ngoài, không quan tâm đến vợ con. Từ năm 2018 đến nay, mặc dù vẫn chung sống một nhà nhưng anh chị đã ly thân, không còn tình cảm với nhau, việc ai người ấy làm. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt, vì vậy, chị xin được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Bảo N, sinh ngày 10/3/2018. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi con trưởng thành và có khả năng lao động, không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Anh Nguyễn Huy H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về việc tham gia tố tụng và cung cấp tài liệu chứng cứ; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nhận, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh H không đến Tòa án làm việc nên không có lời trình bày.*

**Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:** Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Kim T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai, có đơn đề nghị vắng mặt nên nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Anh Nguyễn Huy H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, giấy triệu tập tham gia các buổi làm việc, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án nhưng vắng mặt không có lý do nên bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị Kim T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Kim T xin ly hôn Anh Nguyễn Huy H, anh H là bị đơn có hộ khẩu thường trú và cư trú tại: 2A/85, tổ 85, KP.12, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39

Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về việc giải quyết vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H tự nguyện chung sống với nhau, được Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp chứng nhận đăng ký kết hôn số 67/2010 vào ngày 06/4/2010. Đối chiếu các điều 9, 11, 12 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Nay Chị T xin ly hôn, Tòa án căn cứ Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết.

2.2. Về yêu cầu xin ly hôn của Chị T: Chị T khai, quá trình vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Nhiều lần, chị cho anh H cơ hội để thay đổi nhưng anh H không những không thay đổi mà vẫn tiếp tục có quan hệ với những người phụ nữ khác bên ngoài, không quan tâm đến vợ con. Tình cảm vợ chồng không còn được như trước vì thiếu sự tin tưởng lẫn nhau. Từ năm 2018 đến nay, mặc dù vẫn chung sống một nhà nhưng anh chị đã ly thân, không còn tình cảm với nhau, việc ai người ấy làm. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt, chị xin ly hôn với anh H.

Bị đơn Anh Nguyễn Huy H đã được Tòa án xác minh là có hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại địa chỉ: 2A/85, tổ 85, KP.12, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng khác cho anh H tại địa chỉ trên nhưng anh H không đến Tòa án để làm việc, cũng không có văn bản trình bày ý kiến. Mặc dù Biên bản xác minh ngày 24/6/2022 tại phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai thể hiện chính quyền địa phương không biết giữa Chị T và anh H có xảy ra mâu thuẫn hay không vì các đương sự không báo với chính quyền địa phương và không có đơn đề nghị địa phương hoà giải nhưng việc anh H không đến Tòa án làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến thể hiện anh H đã có ý bỏ mặc việc Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa hai người.

Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng Chị T và anh H là có thật và hiện đã rất trầm trọng. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay và không còn quan tâm, tôn trọng nhau, mục đích hôn nhân không đạt, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, nếu tiếp tục kéo dài tình trạng hôn nhân cũng không đem đến hạnh phúc cho nhau. Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn xin ly hôn của Chị T, cho Chị T được ly hôn với anh H để cả hai sớm ổn định cuộc sống.

2.3. Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Bảo N, sinh ngày 10/3/2018. Ly hôn, Chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi con trưởng thành và có khả năng lao động, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con vì bản thân chị đủ điều kiện nuôi con, cháu Ngọc do chị chăm sóc, nuôi dưỡng từ nhỏ đến nay, anh H không phụ giúp chị về tài chính để nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến phản đối, do đó chấp nhận yêu cầu của Chị T giao cháu Ngọc cho Chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Do Chị T không yêu cầu nên tạm thời anh H không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, Chị T, anh H có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh H (không trực tiếp nuôi con) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

2.4. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.5. Về nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.6. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 11, 12 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Kim T với bị đơn Anh Nguyễn Huy H về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1984 được ly hôn Anh Nguyễn Huy H, sinh năm 1980.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Hoàng Bảo N, sinh ngày 10/3/2018 cho Chị Nguyễn Thị Kim T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung trưởng thành và có khả năng lao động. Tạm thời Anh Nguyễn Huy H không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, Chị Nguyễn Thị Kim T và Anh Nguyễn Huy H có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh H (không

trực tiếp nuôi con) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84, 110, 118 Luật hôn nhân gia đình.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí Chị T đã nộp theo biên lai thu số 0002170 ngày 04/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, Chị T đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa ;
- Nơi đăng ký kết hôn ;
- Lưu : HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Tám**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN      THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa ;
- Nơi đăng ký kết hôn ;
- Lưu : HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Tám**

